CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

FireAnt

Ngày 31/03/2024	13,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.3%	**20.0%**	**26.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,720 - 13,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
Số lượng CPLH (CP)	27,299,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,685
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.19
EPS	814
P/E	16.2

DT thuần
Q1/24
829
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.0| 7.3%
YoY: ▼63.0| -7.1%

LN trước thuế
Q1/24
4.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.2| -70.5%
YoY: ▲ 1.43| 44.2%

LN sau thuế
Q1/24
3.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2| -73.9%
YoY: ▲ 1.10| 43.7%

ROA
2023
1.7%
+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần
2023
3,120
tỷ VNĐ
YoY: ▼291| -8.6%

LN trước thuế
2023
25.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.3| 368%

LN sau thuế
2023
21.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 576%

ROE
2023
5.4%
+/- YoY: ▲ 4.7%

Cơ cấu sở hữu

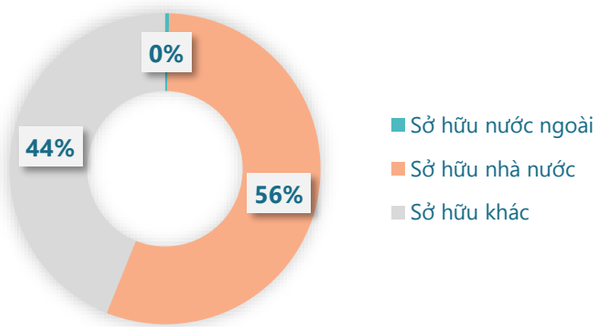

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

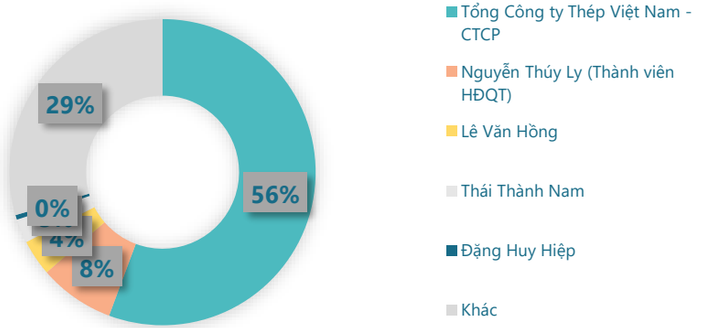

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

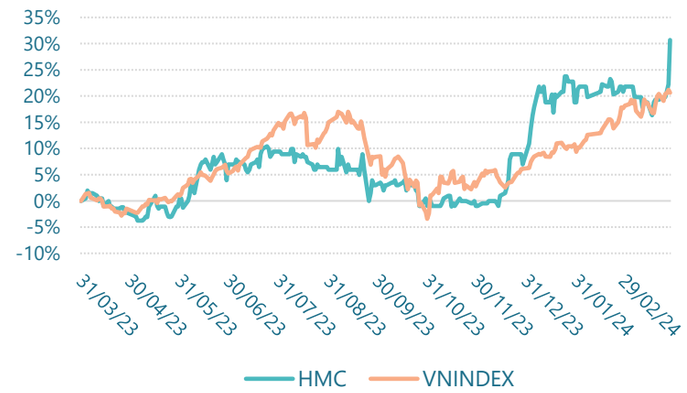

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

FireAnt

Kết quả kinh doanh

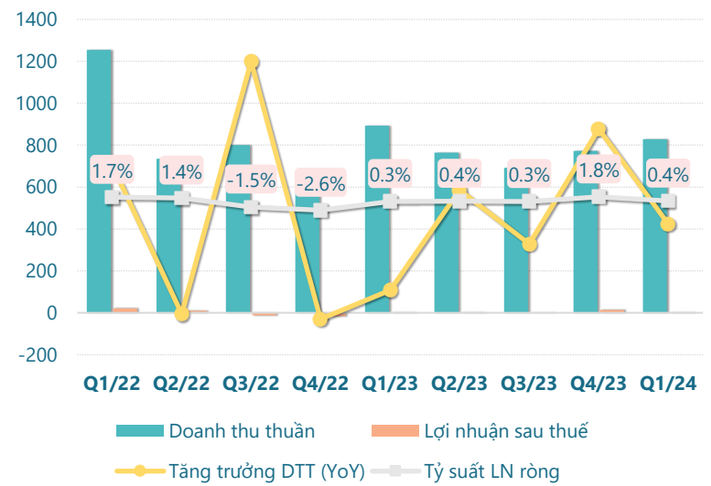

(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế

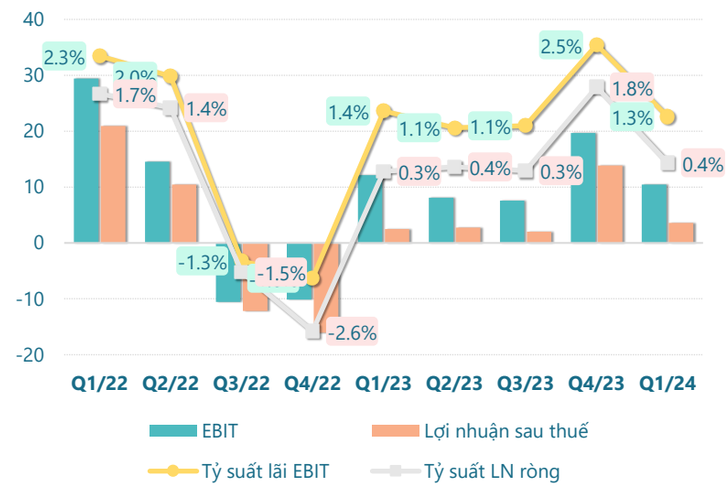

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

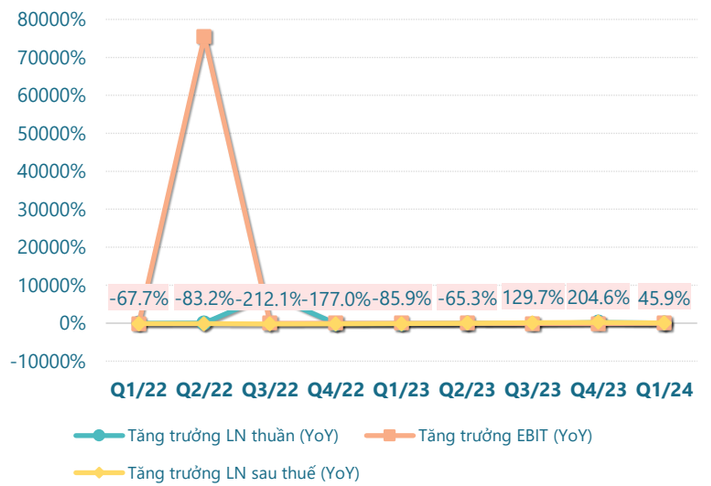

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận

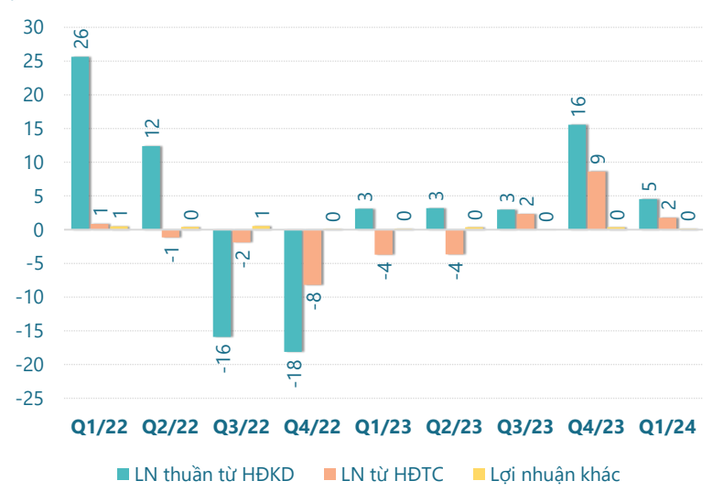

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí

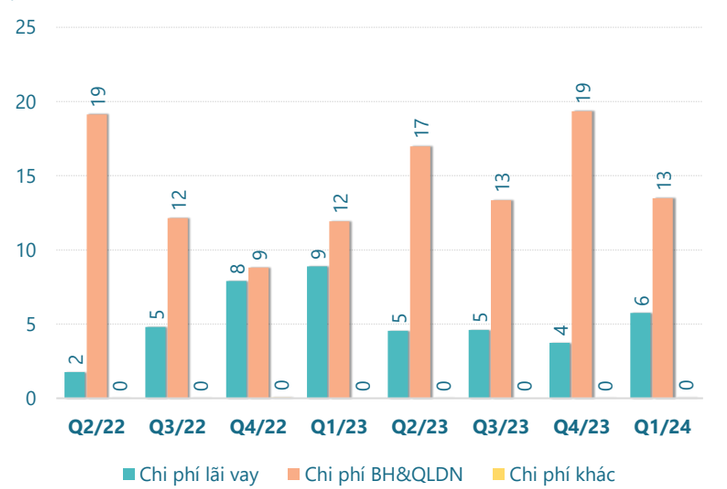

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

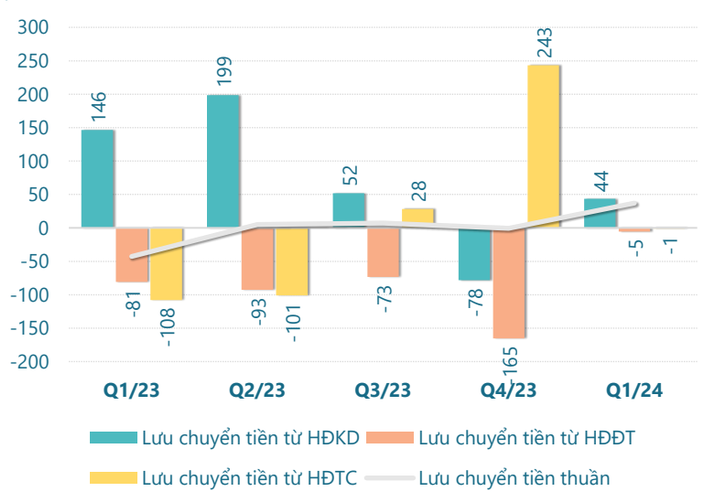

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Tỷ suất lợi nhuận

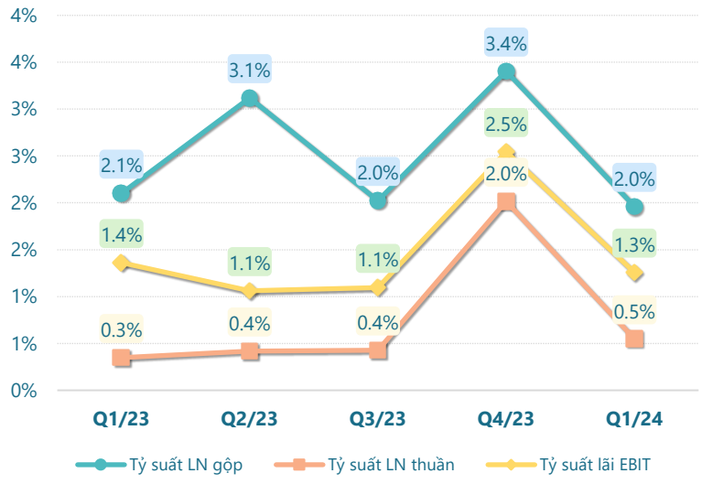

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

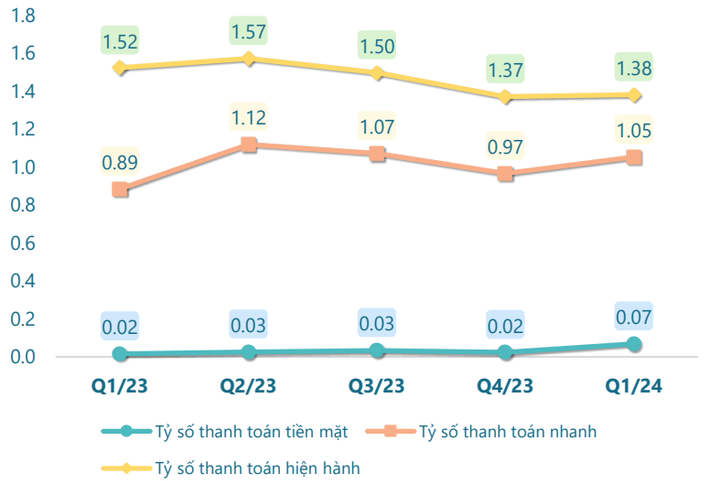

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

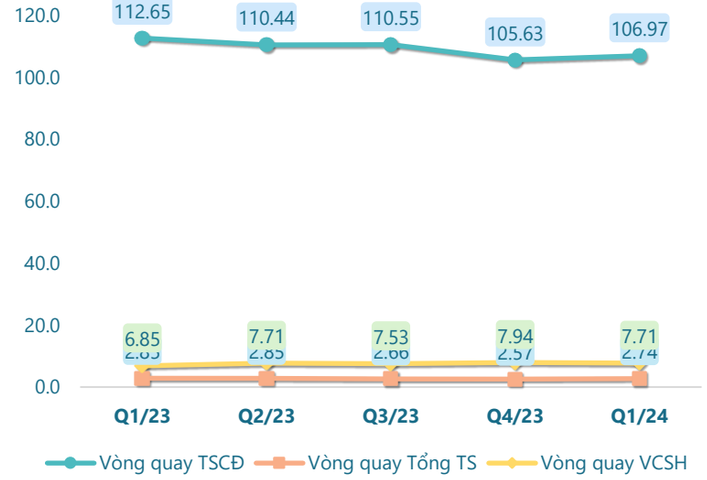

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

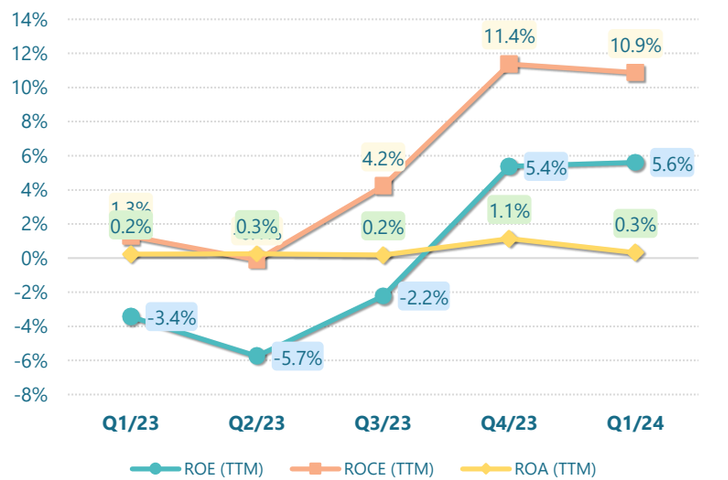

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

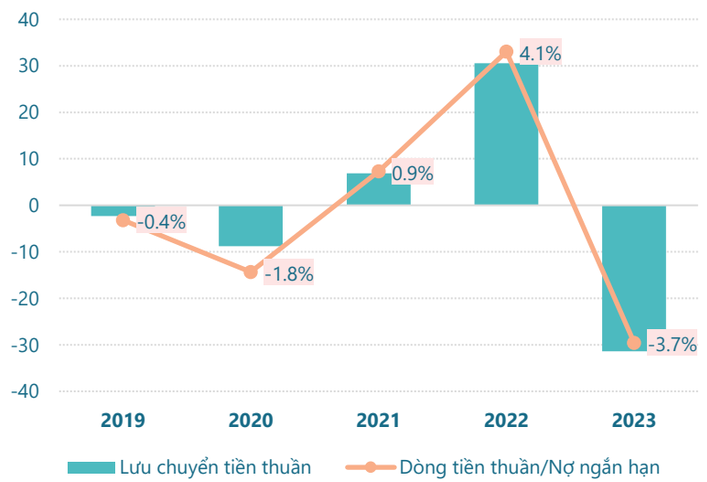

(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá

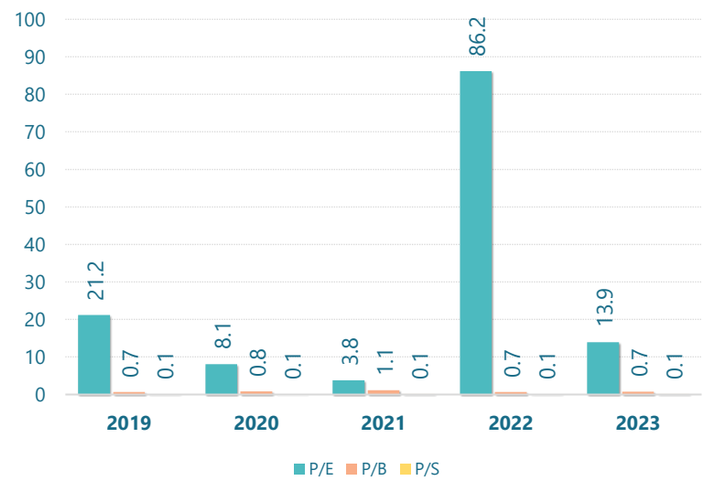

(Nguồn: fireant.vn)